



Member of



VNU – UNIVERSITY OF
ECONOMICS & BUSINESS

TÀI LIỆU HỘI THẢO CÔNG BỐ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

“MỘT SỐ NHẬN ĐỊNH VỀ VỐN ĐẦU TƯ CỦA TRUNG QUỐC TẠI VIỆT NAM”

Hà Nội, 07/2019



Member of



VNU – UNIVERSITY OF
ECONOMICS & BUSINESS

GIỚI THIỆU VỀ VIỆN NGHIÊN CỨU KINH TẾ VÀ CHÍNH SÁCH (VEPR)

VIỆN NGHIÊN CỨU KINH TẾ VÀ CHÍNH SÁCH (VEPR), tiền thân là Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách, được thành lập ngày 7/7/2008. Là Viện nghiên cứu trực thuộc Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội, VEPR có tư cách pháp nhân, đặt trụ sở chính tại Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN, Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội.

Mục tiêu của VEPR là thực hiện các nghiên cứu kinh tế và chính sách nhằm giúp nâng cao chất lượng ra quyết định của các cơ quan hoạch định chính sách, doanh nghiệp và các nhóm lợi ích, dựa trên sự thấu hiểu bản chất của những vận động kinh tế và quá trình điều hành chính sách vĩ mô ở Việt Nam. Hoạt động chính của VEPR bao gồm phân tích định lượng và định tính các vấn đề của nền kinh tế Việt Nam và tác động của chúng tới các nhóm lợi ích; tổ chức các hội thảo đối thoại chính sách với mục đích tạo điều kiện cho các nhà hoạch định chính sách, lãnh đạo doanh nghiệp và tổ chức xã hội cùng gặp gỡ, trao đổi nhằm đề xuất giải pháp cho các vấn đề chính sách quan trọng hiện hành; đồng thời, tổ chức các khóa đào tạo cao cấp về kinh tế, tài chính và phân tích chính sách.

Từ năm 2018, Viện được công nhận là Trung tâm Nghiên cứu Trọng điểm cấp ĐHQG.

Theo Báo cáo về Xếp hạng Think Tank Toàn cầu 2019 của Đại học Pennsylvania (Hoa Kỳ), VEPR xếp thứ 59 trong tổng số 100 think tank hàng đầu của khu vực Đông Nam Á và Thái Bình Dương.



Member of



VNU – UNIVERSITY OF
ECONOMICS & BUSINESS

CHƯƠNG TRÌNH HỘI THẢO DỰ KIẾN

MỘT SỐ NHẬN ĐỊNH VỀ VỐN ĐẦU TƯ CỦA TRUNG QUỐC TẠI VIỆT NAM

Thời gian: 14:00 - 17:00, Thứ Hai, ngày 22 tháng 07 năm 2019.

Địa điểm: Phòng họp lớn, Khách sạn Công đoàn, 14 Trần Bình Trọng, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Thời gian	Chương trình
13:30 - 14:00	Đăng ký đại biểu
14:00 - 14:05	Giới thiệu khách mời và chương trình
14:05 - 14:10	Phát biểu khai mạc hội thảo <i>PGS.TS. Nguyễn Đức Thành, Viện trưởng Viện Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách</i>
14:10 - 15:15	Trình bày kết quả nghiên cứu “Một số nhận định về vốn đầu tư của Trung Quốc tại Việt Nam” <i>- PGS.TS. Nguyễn Đức Thành, Viện trưởng, Viện Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách</i> <i>- TS. Phạm Sỹ Thành – Giám đốc chương trình nghiên cứu Kinh tế Trung Quốc thuộc VEPR</i>
15:15 - 15:30	Tiệc trà
15:30 - 16:00	Bình luận của các chuyên gia phản biện <i>- TS. Trần Toàn Thắng – Trung tâm Thông tin và Dự báo kinh tế - xã hội quốc gia</i> <i>- PGS. TS. Trần Thị Ngọc Quyên – Trường Đại học Ngoại thương</i>
16:00 - 16:55	Thảo luận mở với các đại biểu tham dự
16:55 - 17:00	Phát biểu bế mạc tọa đàm <i>PGS.TS. Nguyễn Đức Thành, Viện trưởng Viện Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách</i>

Một số nhận định về vốn đầu tư của Trung Quốc tại Việt Nam

Viện nghiên cứu Kinh tế và Chính sách (VEPR)

Hà Nội, 22 tháng 7, 2019

VEPR Nội dung

- Tổng quan về hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tại Việt Nam
- Tổng quan về FDI của Trung Quốc tại Việt Nam
- Tổng quan về EPC
- Các ngành chính chịu tác động chính
 - Năng lượng: Nhà máy điện than và thủy điện
 - Cơ sở hạ tầng



VEPR

Chính sách tốt, kinh tế mạnh

Phần 1:

TỔNG QUAN VỀ HOẠT ĐỘNG FDI TẠI VIỆT NAM

3

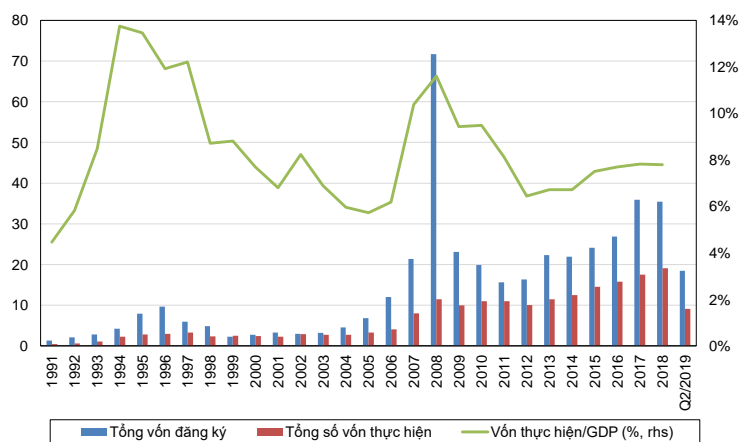


VEPR

Dòng vốn FDI vào Việt Nam, 1991 - 2017

Chính sách tốt, kinh tế mạnh

Đơn vị: Tỷ USD



Nguồn: Tác giả tính toán từ dữ liệu của GSO (2018), FIA (2019) và World Bank (2018)

4



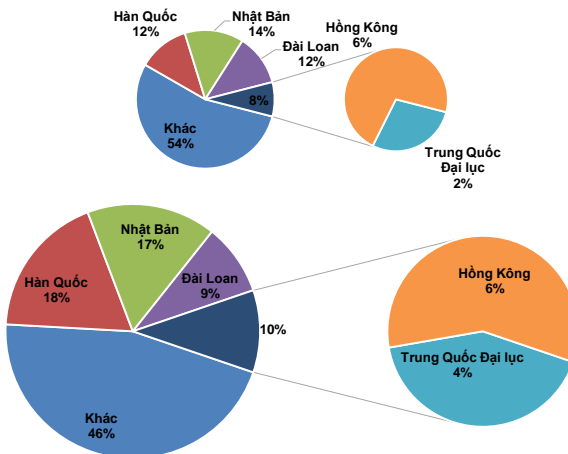
VEPR

Tổng lũy kế FDI vào Việt Nam theo quốc gia, năm 2012 và Q2/2019

Chính sách tốt, kinh tế mạnh

2012
Tổng lũy kế: **207.94** tỉ USD

Q2/2019
Tổng lũy kế: **351.66** tỉ USD



Nguồn: Cục đầu tư nước ngoài (FIA), truy cập ngày 18/07/2019, 5



VEPR

Số lượng dự án và tổng mức vốn FDI đăng ký lũy kế của các tỉnh tính tới Q2/2019, so sánh với 2012

Chính sách tốt, kinh tế mạnh

Vùng	Tỉnh thành	Số lượng dự án	Tổng vốn đăng ký (tỉ USD)	Số lượng dự án (so với năm 2012)	Tổng số vốn đăng ký (so với năm 2012) (tỉ USD)
Tây Bắc Bộ	Điện Biên	1	0,001	0	0,00300
	Đà Nẵng	46	0,703	10	0,08480
	Lào Cai	1	0,002	-1	-0,00200
	Quảng Ninh	29	0,576	-6	-0,27271
	Sơn La	30	0,286	0	0,04280
	Yên Bái	24	0,387	0	0,20200
	Khác	24	0,250	363	0,0041
Đông Bắc Bộ	Bắc Kạn	5	0,021	-2	0,00300
	Cao Bằng	28	0,070	-2	0,01700
	Hà Giang	8	0,007	0	-0,00071
	Lang Son	51	0,213	11	0,04470
	Quảng Trị	105	1,472	90	1,01811
	Thái Nguyên	122	0,191	25	1,09850
	Tuyên Quang	146	2,803	119	7,02491
Đông bằng Sông Hồng	Tuyên Quang	11	0,180	7	0,06780
	Bắc Ninh	1170	18,450	1073	18,00000
	Hà Nội	2720	1,054	200	2,54381
	Hải Phòng	5466	11,111	3000	18,00490
	Hải Dương	438	8,151	164	7,77811
	Hưng Yên	147	4,844	274	8,01780
	Thái Bình	207	4,720	207	2,00660
Bắc Trung Bộ	Nam Định	105	1,280	64	3,01122
	Đà Nẵng	99	1,330	43	0,40090
	Thái Bình	81	0,678	51	0,47507
	Thanh Hóa	198	4,790	290	2,10811
	Hải Tĩnh	75	11,723	29	1,27320
	Quảng Bình	21	0,787	16	0,78200
	Quảng Trị	48	0,008	0	0,00000
Nam Trung Bộ	Thanh Hóa	177	11,083	83	6,81107
	Thừa Thiên Huế	107	0,623	40	1,07380
	Bình Định	83	0,221	13	0,86211
	Bình Thuận	138	1,574	38	2,10094
	Đà Nẵng	711	1,448	472	1,40870
	Khánh Hòa	110	0,248	22	1,23890
	Bình Thuận	90	0,071	21	0,08071
Tây Nguyên	Chu Văn An	47	1,000	-10	-4,54160
	Đà Nẵng	107	0,008	124	1,00000
	Quảng Ngãi	62	1,813	60	1,09480
	Đà Nẵng	16	0,154	11	0,00717
	Đà Nẵng	11	0,150	0	0,10471
	Gia Lai	8	0,017	-6	-0,07340
	Đà Nẵng	8	0,088	0	0,00480
Đông Nam Bộ	Đà Nẵng	106	0,521	28	0,07380
	Bà Rịa - Vũng Tàu	417	30,078	140	4,01840
	Bình Dương	109	12,811	1377	15,27290
	Bình Phước	149	1,270	140	1,71121
	Đồng Nai	1016	30,792	510	0,66761
	Đà Nẵng	8564	46,620	8080	18,00000
	Đà Nẵng	117	4,016	11	1,00000
Đông bằng Sông Cửu Long	Đà Nẵng	25	0,200	-1	0,08451
	Sóc Trăng	11	0,150	0	0,40070
	Bến Tre	63	1,073	32	0,81340
	Cà Mau	11	0,070	0	-0,00480
	Cần Thơ	83	0,720	24	0,01311
	Đà Nẵng	18	0,100	0	0,10000
	Hậu Giang	22	0,517	10	-0,26311
Khác	Đà Nẵng	59	0,78	0	1,00770
	Sóc Trăng	107	0,280	0	0,21150
	Thái Bình	11	0,100	0	1,00000
	Trà Vinh	41	1,210	10	1,10480
	Khác	54	0,070	11	0,10480

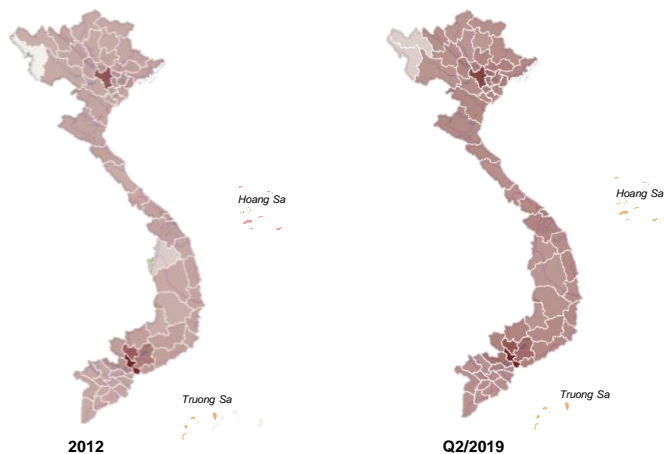
Nguồn: FIA, truy cập ngày 20/07/2019



VEPR

Chính sách tốt, kinh tế mạnh

Số lượng dự án FDI lũy kế theo địa phương năm 2012 và Q2/2019



Nguồn: FIA, truy cập ngày 15/01/2019

Lưu ý: FIA chỉ công bố dữ liệu về FDI của Việt Nam kể từ năm 2012

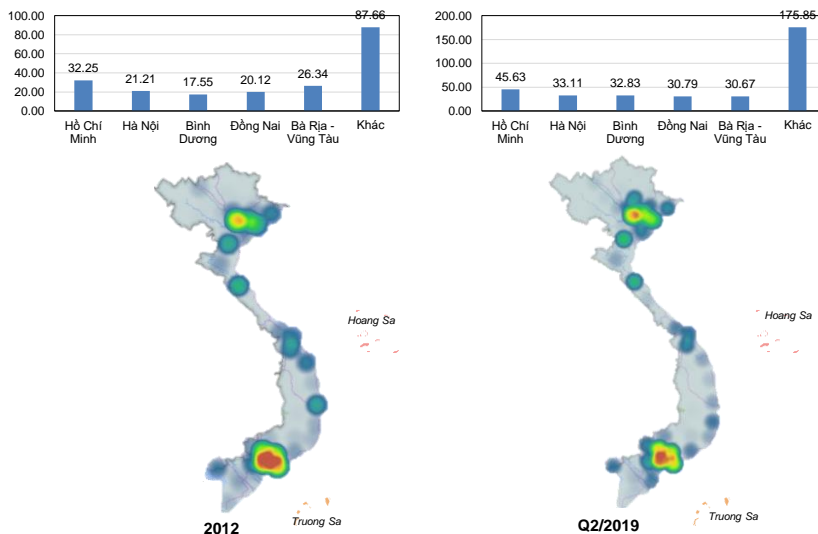
7



VEPR

Chính sách tốt, kinh tế mạnh

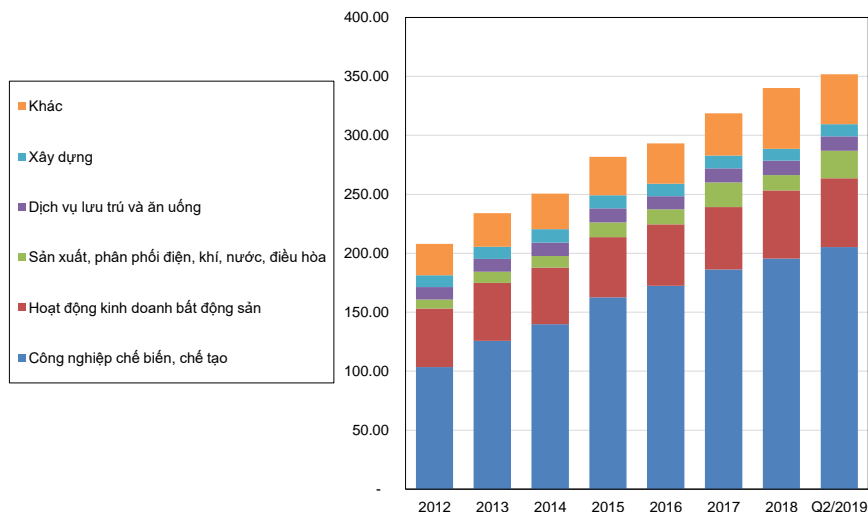
Tổng vốn FDI đăng ký theo địa phương năm 2012 và Q2/2019 (Tỷ USD)



Nguồn: FIA, truy cập ngày 20/07/2019



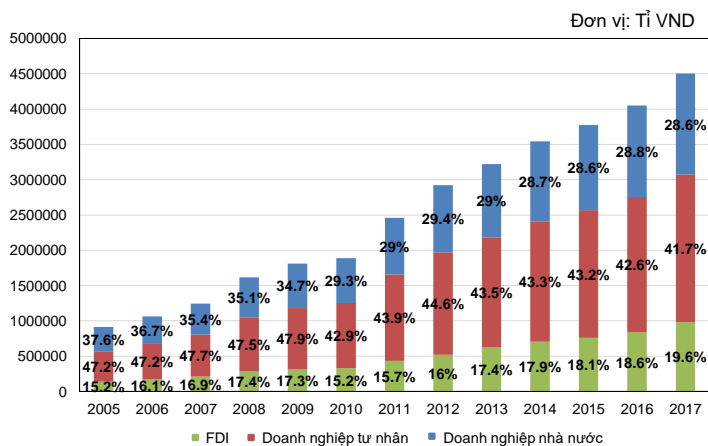
Tổng vốn FDI đăng ký lũy kế theo ngành kinh tế, 2012 – Q2/2019 (Tỷ USD)



9



Tỉ trọng đóng góp vào GDP theo thành phần kinh tế, 2005 - 2017

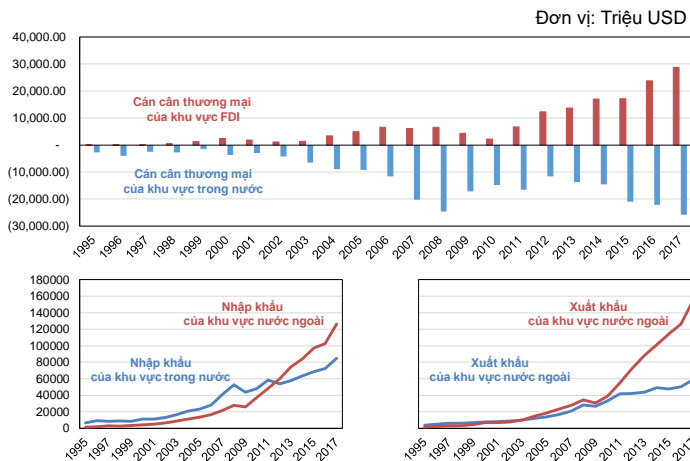


Nguồn: Tổng cục Thống kê (GSO), truy cập ngày 22/01/2019

10



Tỉ trọng đóng góp vào giá trị thương mại theo thành phần kinh tế, 1995 - 2017

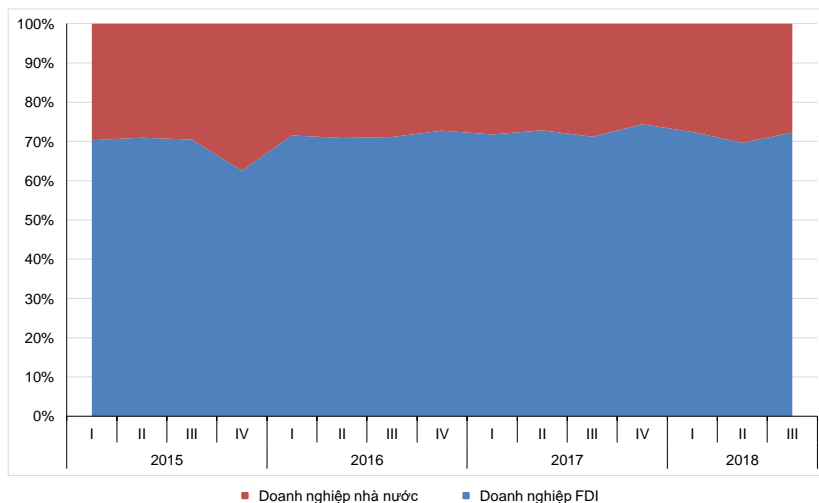


Nguồn: Tổng cục Thống kê (GSO), truy cập ngày 22/01/2019

11



Tỉ trọng xuất khẩu của khu vực kinh tế trong nước so với khu vực FDI



Nguồn: Tổng cục Hải quan

12



Part 2:

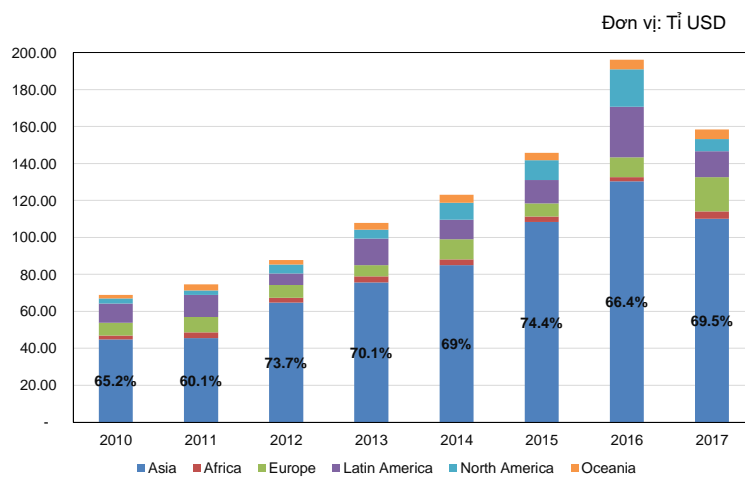
TỔNG QUAN VỀ ĐẦU TƯ CỦA TRUNG QUỐC TẠI VIỆT NAM

13



Tổng vốn đầu tư ra nước ngoài của Trung Quốc, 2010 - 2017

Chính sách tốt, kinh tế mạnh



Nguồn: Cơ quan Thống kê của Trung Quốc (NBSC), truy cập ngày 02/05/2019

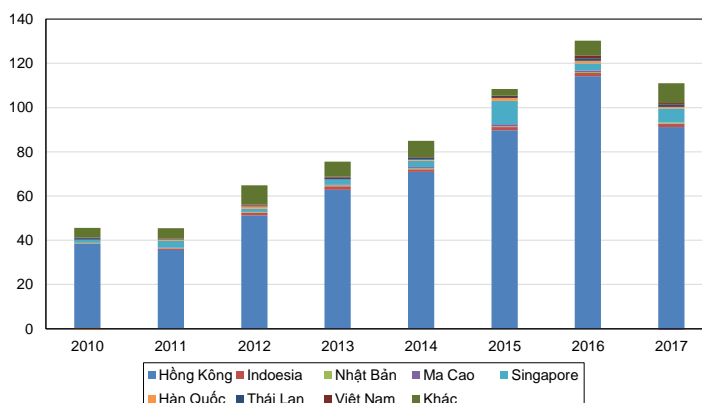
14


VEPR

Chính sách tốt, kinh tế mạnh

Tổng vốn đầu tư của Trung Quốc vào một số quốc gia khu vực châu Á, 2010 - 2017

Đơn vị: Tỷ USD



Source: NBSC, truy cập ngày 05/02/2019

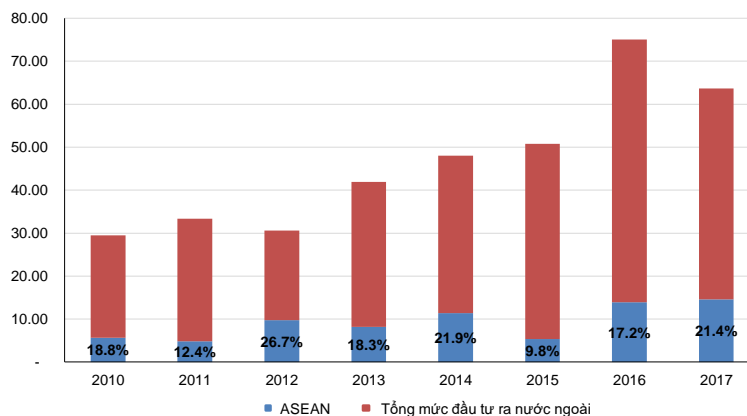
15


VEPR

Chính sách tốt, kinh tế mạnh

Vốn đầu tư của trung quốc vào ASEAN, 2010 – 2017

Đơn vị: Tỷ USD



Nguồn: NBSC và ASEAN Stat, truy cập ngày 02/05/2019

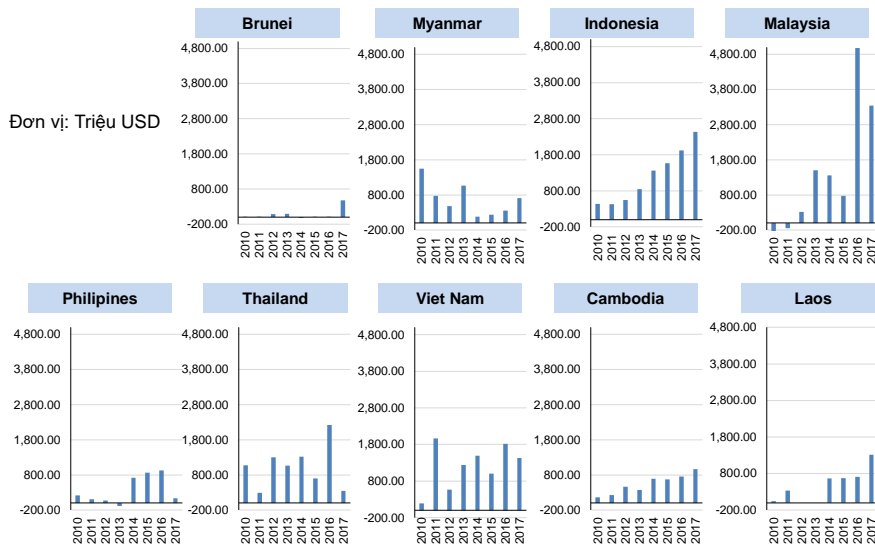
Lưu ý:

- Kể từ đây, số liệu của Trung Quốc sẽ bao gồm số liệu của Hồng Kông và Ma Cao
- Kể từ đây, số liệu của ASEAN sẽ không gồm số liệu của Singapore

16

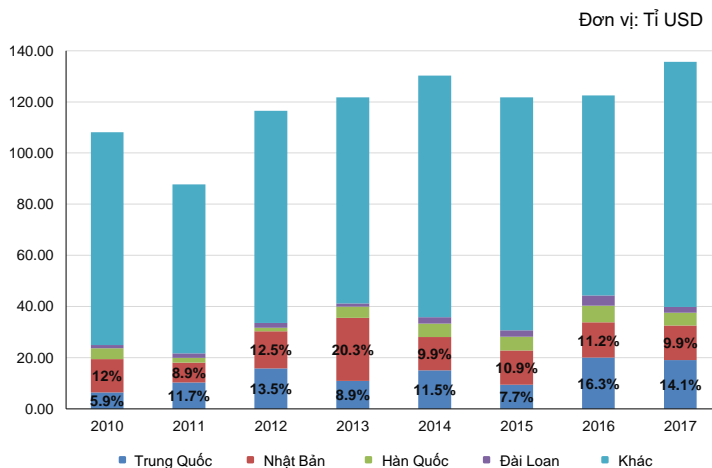
VEPR

FDI của Trung Quốc vào ASEAN, 2010 - 2017



VEPR

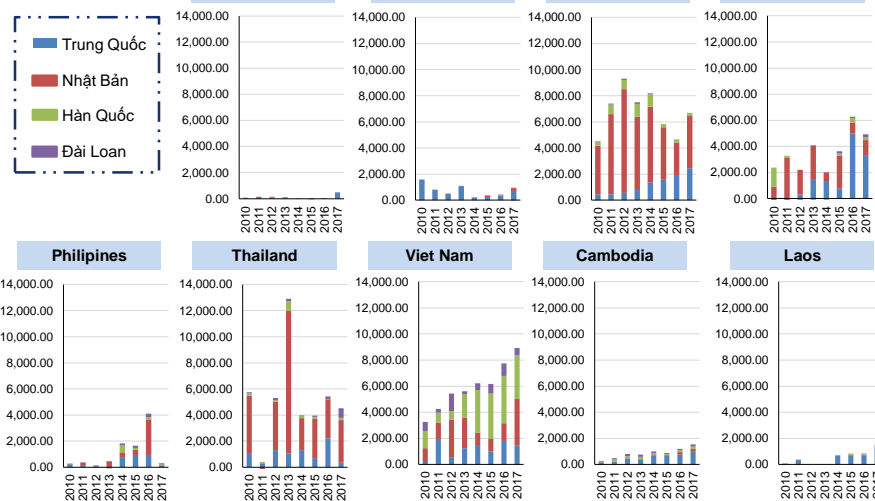
Vốn FDI vào khu vực ASEAN theo quốc gia, 2010 - 2017





Vốn đầu tư của các quốc gia Đông Bắc Á vào khu vực ASEAN, 2010 - 2017

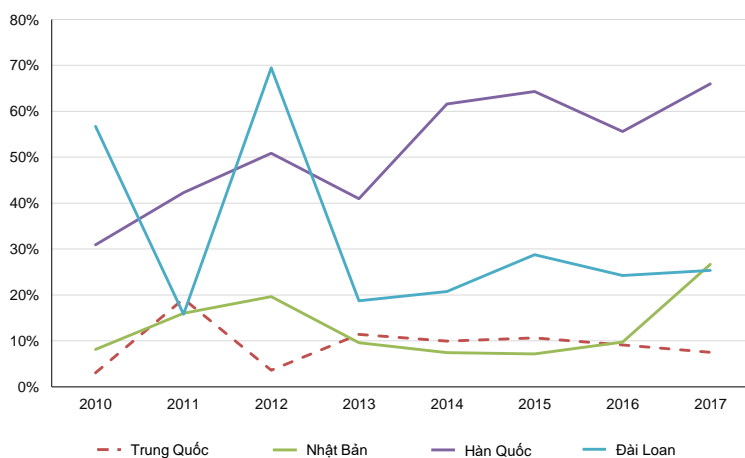
Đơn vị: Triệu USD



Nguồn: ASEAN Stat, truy cập ngày 05/02/2019



Tỉ trọng dòng vốn FDI vào Việt Nam so với tổng dòng vốn chảy vào ASEAN, 2010 - 2017

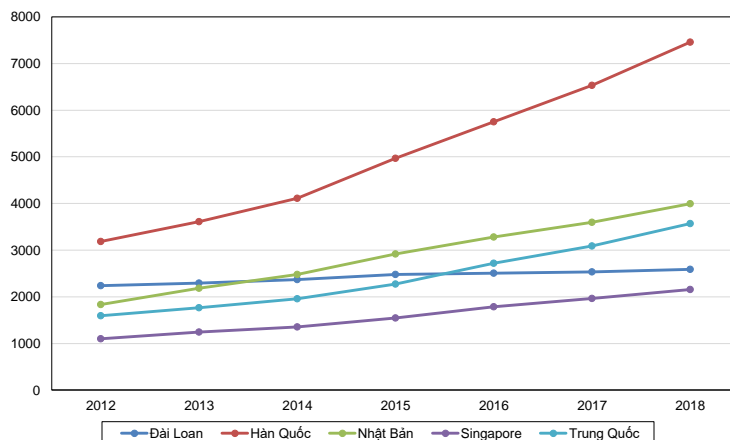


Nguồn: ASEAN Stat, truy cập ngày 05/02/2019


VEPR

Chính sách tốt, kinh tế mạnh

Số lượng dự án FDI hàng năm của các quốc gia khu vực Đông Bắc Á vào Việt Nam, 2012 - 2018



Nguồn: FIA, truy cập ngày 15/01/2019

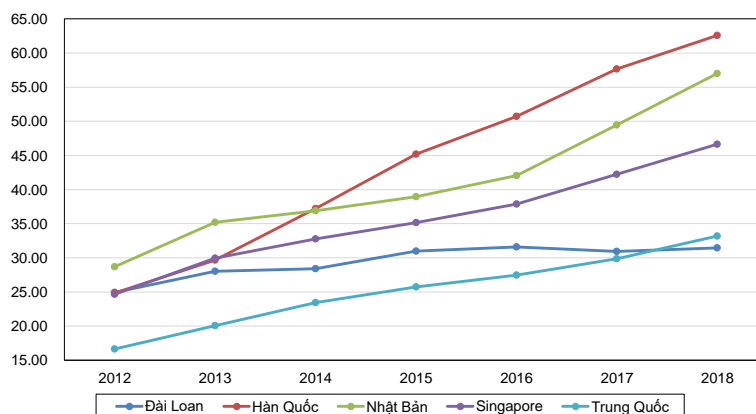
21


VEPR

Chính sách tốt, kinh tế mạnh

Tổng mức vốn FDI đăng ký hàng năm bởi các quốc gia Đông Bắc Á tại Việt Nam, 2012 - 2018

Đơn vị: Tỷ USD



Nguồn: FIA, truy cập ngày 15/01/2019

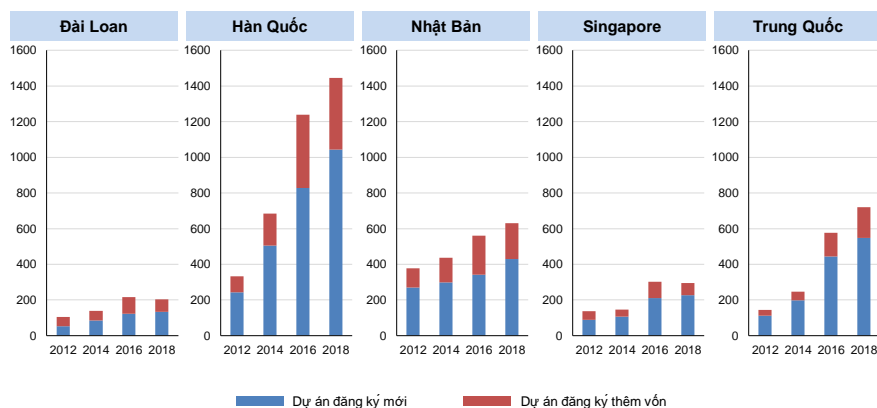
22



Chính sách tốt, kinh tế mạnh

VEPR

Tổng số lượng dự án đăng ký mới và tăng vốn, 2012 - 2018



Nguồn: FIA, truy cập ngày 15/01/2019

23

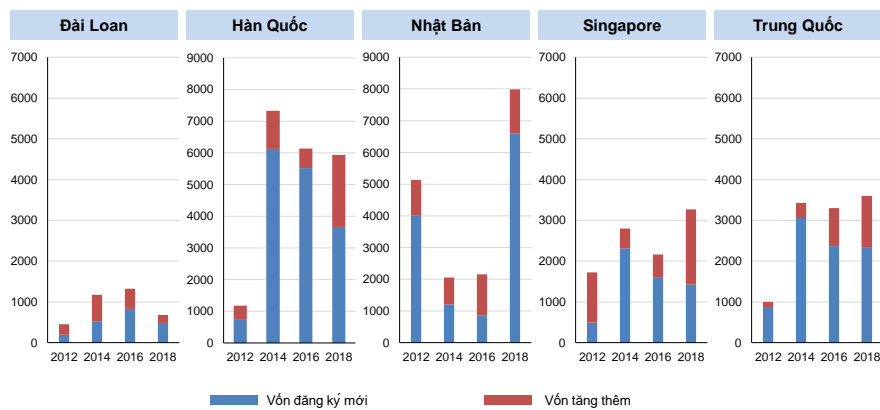


Chính sách tốt, kinh tế mạnh

VEPR

Tổng số vốn đăng ký mới và tăng thêm, 2012 - 2018

Đơn vị: Triệu USD



Nguồn: FIA, truy cập ngày 15/01/2019

24



Vốn FDI của Trung Quốc vào Việt Nam theo địa phương năm 2014

Vùng	Tỉnh	Số lượng dự án	Tổng vốn đăng ký (tỉ USD)
Vùng Tây Bắc	Điện Biên		-
	Hòa Bình	4	3.332
	Lai Châu	3	2.501
	Lào Cai	22	803.157
	Sơn La	1	0.400
Yên Bái	8	71.177	
Vùng Đông Bắc	Bắc Giang	35	200.402
	Bắc Kạn	4	4.873
	Cao Bằng	10	27.975
	Hà Giang	6	11.802
	Lang Sơn	22	100.994
	Phu Thọ	4	14.500
	Quảng Ninh	33	471.742
	Thái Nguyên	12	32.830
Tuyên Quang	1	25.000	
Đồng bằng sông Hồng	Bắc Ninh	54	123.507
	Hà Nam	7	15.625
	Hà Nội	202	311.456
	Hải Dương	29	116.543
	Hải Phòng	49	318.468
	Hưng Yên	48	204.043
	Nam Định	9	89.140
	Ninh Bình	3	2.888
	Thái Bình	4	56.548
	Vĩnh Phúc	20	50.174
Bắc Trung Bộ	Hà Tĩnh	2	9.934
	Nghệ An	8	35.677
	Quảng Bình	1	0.034
	Quảng Trị	7	42.425
	Thanh Hóa	9	29.731
Thừa Thiên Huế	6	274.316	

Nam Trung Bộ

Tỉnh	Số lượng dự án	Tổng vốn đăng ký (tỉ USD)
Bình Định	12	117.757
Bình Thuận	5	2027.263
Đà Nẵng	8	25.982
Khánh Hòa	3	5.100
Ninh Thuận	2	100.170
Phu Yên	3	20.650
Quảng Nam	6	19.958
Quảng Ngãi	1	0.375

Tây Nguyên

Tỉnh	Số lượng dự án	Tổng vốn đăng ký (tỉ USD)
Dak Lak		0.000
Dak Nong	1	3.120
Gia Lai		0.000
Kon Tum		0.000
Lam Dong		0.000

Đông Nam Bộ

Tỉnh	Số lượng dự án	Tổng vốn đăng ký (tỉ USD)
Bà Rịa - Vũng Tàu	10	206.566
Bình Dương	100	349.787
Bình Phước	2	30.200
Dong Nai	27	146.854
Hồ Chí Minh	110	199.029
Tây Ninh	28	729.140

Đồng bằng Sông Cửu Long

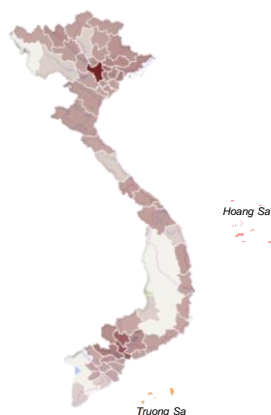
Tỉnh	Số lượng dự án	Tổng vốn đăng ký (tỉ USD)
An Giang		0.000
Bạc Liêu		0.000
Ben Tre	3	0.300
Ca Mau	1	0.500
Can Tho	4	6.246
Dong Thap	2	5.060
Hau Giang		0.800
Kien Giang	2	0.000
Long An	54	95.960
Soc Trang	1	4.700
Tien Giang	15	280.300
Tra Vinh	3	1.789
Vinh Long	3	6.900

25



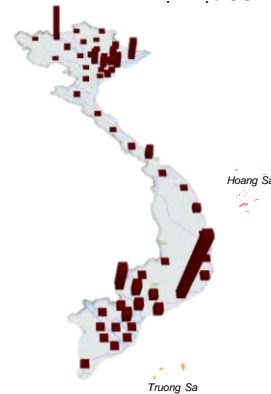
Vốn FDI của Trung Quốc vào Việt Nam năm 2014

Số lượng dự án FDI của Trung Quốc tính tới năm 2014



Tổng mức vốn đăng ký của Trung Quốc tính tới năm 2014

Đơn vị: Triệu USD



Nguồn: FIA, truy cập ngày 15/01/2019

26



VEPR

Chính sách tốt, kinh tế mạnh

Dòng vốn FDI chảy vào các ngành công nghiệp của Việt Nam theo quốc gia, 2016

Đơn vị: Triệu USD

	ASEAN	Trung Quốc	EU	Nhật Bản	Hàn Quốc	Đài Loan
Nông nghiệp	328.2	189.5	104.6	156.8	48.0	40.4
Khai khoáng	80.5	1032.3	677.3	51.2	30.0	42.2
Chế biến thực phẩm	2179.8	509.4	1999.0	588.1	360.6	380.2
Dệt may	720.2	3106.6	2359.2	427.9	3214.1	1793.1
Xử lý gỗ	140.6	664.0	874.4	239.3	282.9	236.0
Than cốc, lọc dầu	3.0	5.5	3826.7	9080.4	8.4	2.0
Hóa chất	4800.3	2230.9	532.6	3035.2	2593.8	882.5
Sản xuất phi kim	530.5	151.5	1525.6	615.2	123.6	11189.4
Sản xuất kim loại	660.1	1485.5	1009.6	3145.3	4718.7	1995.2
Điện tử	4898.6	829.5	2206.3	2972.7	13424.2	210.6
Thiết bị điện	151.9	310.6	257.8	833.8	562.0	211.6
Chế tạo máy	174.6	78.5	196.3	736.9	61.1	69.5
Ô tô	931.6	213.5	1766.1	1081.7	836.6	184.1
Nội thất	91.7	49.0	46.5	46.5	193.0	164.4
Ngành sản xuất khác	2986.7	181.6	255.3	834.0	713.8	208.2

Nguồn: FIA, truy cập ngày 15/01/2019

27



VEPR

Chính sách tốt, kinh tế mạnh

Dòng vốn FDI chảy vào các ngành công nghiệp của Việt Nam theo quốc gia, 2016 (cont.)

Đơn vị: Triệu USD

	ASEAN	China	EU	Japan	S.Korea	Taiwan
Maintain, install	53.3	307.1	6.9	87.3	33.4	12
Cung cấp điện nước	2438	5543.8	2738.7	107.9	353.8	19.4
Xử lý chất thải	1176.3	1.2	64.6	35	35	7.5
Xây Dựng	2550.9	655.3	1760.2	996.9	1906	995.7
Thương mại	986.1	470.6	657.6	1071.5	602.7	179.3
Logistics	1354.4	98.3	859.3	274.6	770	45.6
Khách sạn & dịch vụ	1999.3	774	898.3	232.6	725.7	102.4
Bưu chính viễn thông	507.6	13	158.4	751.3	35.9	16.5
Tài chính	123.2	1.6	10.6	38.9	7.7	38.3
Bất động sản	14473.5	2324.4	8641.4	1817.1	5328.2	953.5
Hỗ trợ kinh doanh	314.2	156.1	282.3	241.2	177.5	11.4
Nghiên cứu phát triển	12.5	3.3	24.6	32.3	36	2.1
Du lịch	264.5	2.3	6.4	0.1	1	25
Giáo dục	76.8	51.3	92.1	94.9	14	54.3
Chăm sóc sức khỏe	790.6	3.2	4.8	8.3	14.2	202.2
Dịch vụ khác	71.3	42.3	138.3	48.4	1013.2	59.4

Nguồn: FIA, truy cập ngày 15/01/2019

28


VEPR

Phần 3:

TỔNG QUAN VỀ EPC

29


VEPR

Khái niệm hợp đồng EPC

- Khoản 3, Điều 1, thông tư 01/2002/TT-BXD định nghĩa:
 - Hợp đồng Thiết kế – Cung ứng vật tư, thiết bị – Xây dựng (viết tắt theo tiếng anh là Hợp đồng EPC) hay hợp đồng chìa khóa trao tay là sự thỏa thuận bằng văn bản được ký kết giữa Chủ đầu tư dự án với một Nhà thầu hoặc một liên danh Nhà thầu (được gọi chung là Tổng thầu EPC) để thực hiện các công việc về thiết kế – cung cấp vật tư, thiết bị, dịch vụ kỹ thuật – xây dựng và lắp đặt của một dự án hay của một gói thầu.

30

VEPR Nguyên tắc áp dụng hợp đồng EPC

■ Quy định tại Điều 3, thông tư 30/2016/TT - BXD

- 1. Căn cứ vào đặc điểm, tính chất và quy mô của từng dự án, gói thầu EPC và các quy định của pháp luật Người có thẩm quyền quyết định đầu tư quyết định áp dụng hình thức hợp đồng EPC cho các dự án, gói thầu xây dựng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hiệu quả của dự án đầu tư xây dựng.
- 2. Hợp đồng EPC chỉ áp dụng đối với những dự án, gói thầu xây dựng cần rút ngắn thời gian thực hiện; những dự án, gói thầu xây dựng có yêu cầu cao về kỹ thuật, công nghệ và phải đảm bảo tính đồng bộ từ khâu thiết kế, cung cấp thiết bị, thi công xây dựng công trình đến khâu đào tạo vận hành, chuyển giao công trình.
- 3. Bên nhận thầu thực hiện hợp đồng EPC phải có đủ điều kiện về kinh nghiệm, năng lực tài chính, năng lực hành nghề và năng lực hoạt động đối với toàn bộ phạm vi công việc cần thực hiện của hợp đồng EPC gồm năng lực về: thiết kế, cung cấp thiết bị, cung cấp dịch vụ đào tạo, vận hành, chuyển giao công nghệ, thi công xây dựng công trình theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng và các yêu cầu của hồ sơ mời thầu. Bên nhận thầu EPC không được giao thầu phụ quá 60% khối lượng công việc thuộc phạm vi hợp đồng EPC.

31

VEPR Quy trình thực hiện hợp đồng EPC

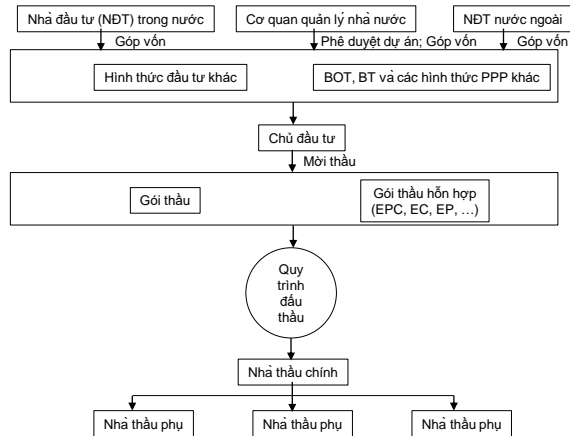


Nguồn: Thông tư 11/2016/TT-BKHĐT

32

VEPR EPC vs BOT, PPP

- EPC là hình thức chọn lựa nhà thầu; BOT, PPP là hình thức đầu tư



Nguồn: Tác giả tự tổng hợp

33

VEPR

Phần 4:

CÁC NGÀNH CHÍNH CHỊU TÁC ĐỘNG

34



VEPR

Chính sách tốt, kinh tế mạnh

TRƯỜNG HỢP CỦA NGÀNH SẢN XUẤT ĐIỆN

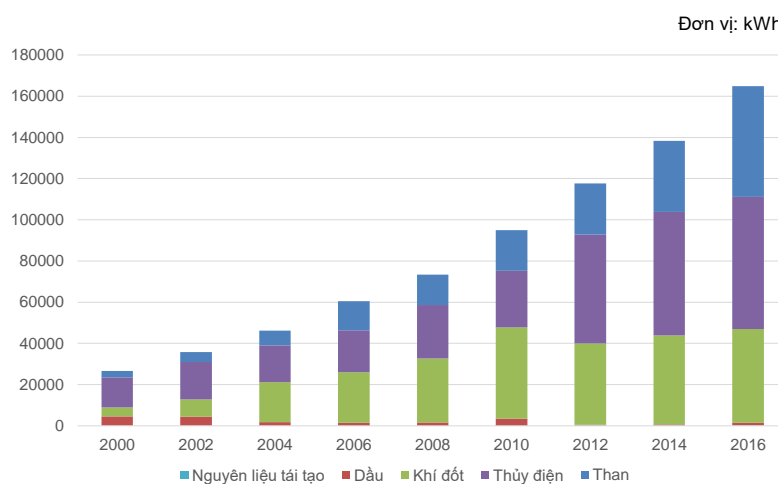
35



VEPR

Tổng sản lượng điện của Việt Nam, 2000 - 2016

Chính sách tốt, kinh tế mạnh

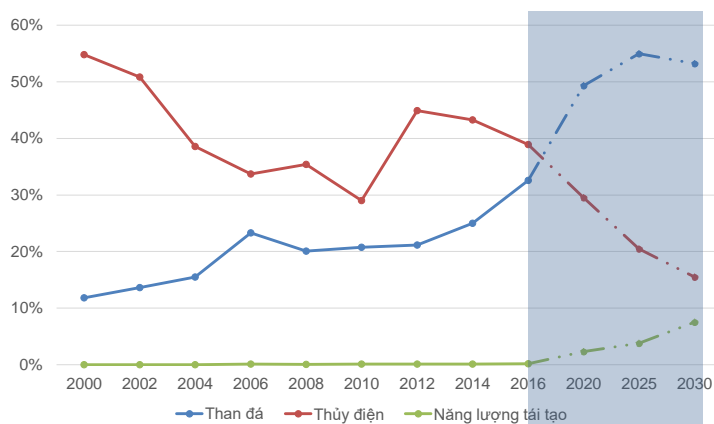


Source: International Energy Agency (IEA), truy cập ngày 13/02/2019

36


VEPR
**Cơ cấu nguồn điện của Việt Nam,
2000 – 2016, dự báo 2030**

Chính sách tốt, kinh tế mạnh



Nguồn: IEA và Quy hoạch điện VII điều chỉnh, truy cập ngày 13/02/2019

37


VEPR

Chính sách tốt, kinh tế mạnh

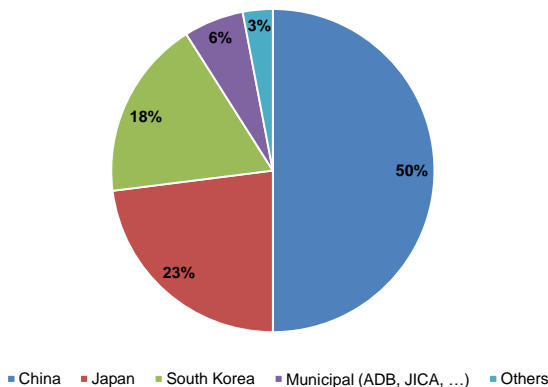
NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN

38


VEPR

Chính sách tốt, kinh tế mạnh

Nguồn vốn xây dựng các nhà máy điện than theo quốc gia, lũy kế tới 2017



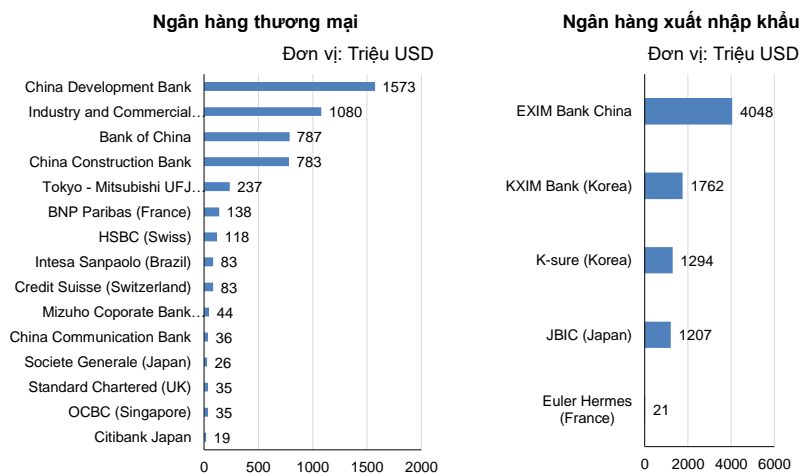
Nguồn: GreenID, truy cập ngày 13/02/2019

39


VEPR

Chính sách tốt, kinh tế mạnh

Các định chế tài chính tài trợ cho các dự án nhiệt điện tại Việt Nam, lũy kế tới 2017



Nguồn: GreenID, truy cập ngày 13/02/2019

40


VEPR

Chính sách tốt, kinh tế mạnh

Đầu tư của Trung Quốc dưới hình thức EPC: Trường hợp của ngành điện than

■ Mô tả dữ liệu:

- Tổng số quan sát: 71 dự án
- Lọc dữ liệu:
 - Loại trừ các dự án đã bị ngừng thực hiện: 5
 - Loại trừ các dự án đang xây dựng hoặc đã đi vào vận hành nhưng không có thông tin về nhà thầu: 17
 - Loại trừ các dự án nằm trong quy hoạch điện VII nhưng chưa công bố kết quả lựa chọn nhà thầu: 9
- **Tổng số quan sát được khảo sát: 40**

41


VEPR

Chính sách tốt, kinh tế mạnh

Đầu tư của Trung Quốc dưới hình thức EPC: Trường hợp của ngành điện than

■ Phương pháp thu thập dữ liệu:

- Tổng hợp thông tin từ nhiều nguồn để thiết lập danh sách các dự án nhiệt điện tại Việt Nam:
 - Bản đồ năng lượng Việt Nam (JETRO, 2010)
 - Báo cáo thường niên ngành điện các năm 2016, 2017 (EVN)
 - Quy hoạch điện VII (ERAV, 2011)
 - Quy hoạch điện VII điều chỉnh (ERAV, 2015)
- Thu thập thông tin chi tiết của các dự án qua các nguồn sau:
 - Trang thông tin đấu thầu quốc gia: <http://muasamcong.mpi.gov.vn/>
 - Bộ Công Thương: <http://www.moit.gov.vn>
 - Trang web của EVN và các đơn vị phụ thuộc: <https://www.evn.com.vn>
 - Nguồn tin báo chí uy tín

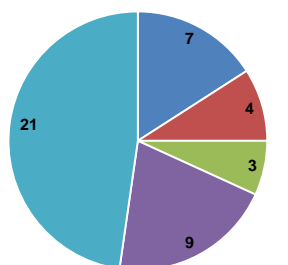
42


VEPR

Chính sách tốt, kinh tế mạnh

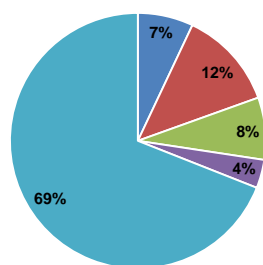
Đầu tư của Trung Quốc dưới hình thức EPC: Trường hợp của ngành điện than

Các nhà máy điện theo quốc gia của tổng thầu



■ Japan ■ Korea ■ Others ■ Vietnam ■ China

Tổng giá trị hợp đồng EPC theo quốc gia



■ Japan ■ Korea ■ Others ■ Vietnam ■ China

Nguồn: Tác giả tự tổng hợp

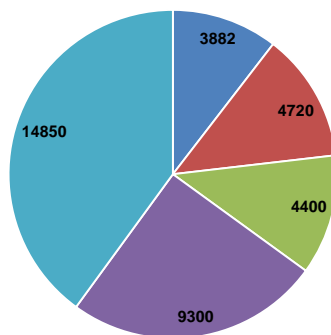
43


VEPR

Chính sách tốt, kinh tế mạnh

Đóng góp vào tổng công suất điện của Việt Nam theo quốc gia của tổng thầu, 2018

Đơn vị: MW



■ Japan ■ South Korea ■ Others ■ Vietnam ■ China

Nguồn: Tác giả tự tổng hợp

44

VEPR**Các nhà thầu Trung Quốc tham gia dự án nhiệt điện**

Tên dự án	Tên nhà thầu	Trị giá gói thầu (USD)
Duyên Hải 3	Chengda-Dec-Swepti-Zepc	1,177,527,060.00
Hải Dương	Công ty hữu hạn viện thiết kế Điện lực Tây Nam và công ty hữu hạn công trình quốc tế thuộc tập đoàn cổ vấn công trình điện lực Trung Quốc	1,870,000,000.00
Thăng Long	Công ty TNHH công trình điện lực Khải Dịch Vũ Hán	645,000,000.00
Cấm Phá 1	Cty công trình điện Cáp Nhĩ Tân (HPE)	681,816,000.00
Cấm Phá 2		
Cao Ngạn		
Hải Phòng 1	Dongfang (Trung Quốc) và Marubeni (Nhật Bản)	780,230,000.00
Hải Phòng 2		
Duyên Hải	Dongfang Electric Corporation Ltd.	1,570,000,000.00
Vĩnh Tân 1	GEDI và GPEC thuộc Tập đoàn xây dựng năng lượng Trung Quốc	1,755,000,000.00
Mạo Khê	Liên danh KAIDI	405,349,000.00
Uông Bí 2	Tập đoàn Chengda	n/a
An Khánh 1	Tập đoàn Điện khí nhân dân Trung Quốc	143,235,000.00
Quảng Ninh	Tập đoàn điện khí Thương Hải (SEC)	n/a
Quảng Ninh 2		
Vĩnh Tân 2		1,384,000,000.00
Sơn Đông	Tập đoàn hợp tác kỹ thuật, kinh tế đối ngoại Thương Hải	173,180,000.00
Kiến Lương	Tập đoàn HUADIAN	4,400,000,000.00
Duyên Hải 2		
Nông Sơn	Tổng công ty thiết bị nặng CHMC	n/a
Cấm Phá 3	Wuhan KAIDI holding Investment Co. LTD	n/a

Nguồn: Tác giả tự tổng hợp

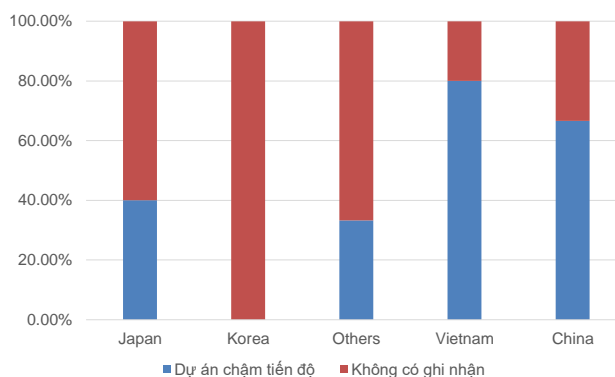
45

VEPR**Các vấn đề chính liên quan tới nhà thầu Trung Quốc**

- Chậm tiến độ
- Vấn đề kỹ thuật
- Tác động môi trường

46

VEPR Chậm tiến độ



Nguồn: Tác giả tự tổng hợp

47

VEPR Chậm tiến độ: Nhà máy Mông Dương vs. Hải Dương

■ Thông tin chung

Nhà máy nhiệt điện Hải Dương:

- Tổng thầu EPC: Southwest Electric Power Design Institute (China) và China Power Engineering Advisory Group (China)
- Tổng giá trị gói thầu: 1.87 tỉ USD
- Tổng công suất thiết kế: 1200 MW

Nhà máy nhiệt điện Mông Dương:

- Tổng thầu EPC: Hyundai Engineering and Construction Co., Ltd (South Korea)
- Tổng giá trị gói thầu: 1.27 tỉ USD
- Tổng công suất thiết kế: 1080 MW

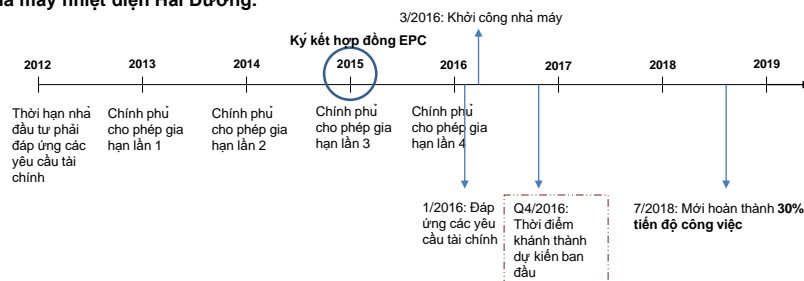
48

VEPR

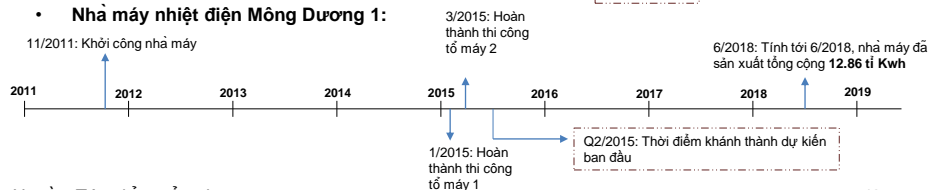
Chậm tiến độ: Nhà máy Mông Dương vs. Hải Dương

■ So sánh tiến độ xây dựng của 2 nhà máy

• Nhà máy nhiệt điện Hải Dương:



• Nhà máy nhiệt điện Mông Dương 1:



Nguồn: Tác giả tự tổng hợp

49

VEPR

Vấn đề kỹ thuật: Nhà máy Na Dương vs. Cẩm Phả

■ Thông tin chung

Nhà máy nhiệt điện Na Dương:

- Tổng thầu EPC: Tổng thầu Nhật Bản
- Tổng công suất: 111 MW
- Bắt đầu vận hành: Từ năm 2005

Nhà máy nhiệt điện Cẩm Phả:

- Tổng thầu EPC: Harbin power engineering (HPE)
- Tổng công suất: 600 MW
- Bắt đầu vận hành: Từ năm 2011

50

VEPR

Vấn đề kỹ thuật: Nhà máy Na Dương vs. Cẩm Phả

■ Nhà máy nhiệt điện Na Dương:

- Sử dụng thành công than Na Dương để sản xuất điện. Đây là loại than rất khó sử dụng do hàm lượng chất ô nhiễm cao và hiệu quả đốt thấp
- Nhà thầu cung cấp máy móc, vật tư: Sumitomo Heavy Industry (Nhật Bản), Foster Wheeler (UK)
- Đơn vị thi công: Hazama Gumi (Nhật Bản), Kainan Corp. (Nhật Bản), Winner Engineering PTE (Singapore), LPI (Úc)
- Quá trình thi công và vận hành:
 - Chưa có ghi nhận nào về sự cố kỹ thuật kể từ khi xây dựng



51

VEPR

Vấn đề kỹ thuật: Nhà máy Na Dương vs. Cẩm Phả

■ Nhà máy nhiệt điện Cẩm Phả



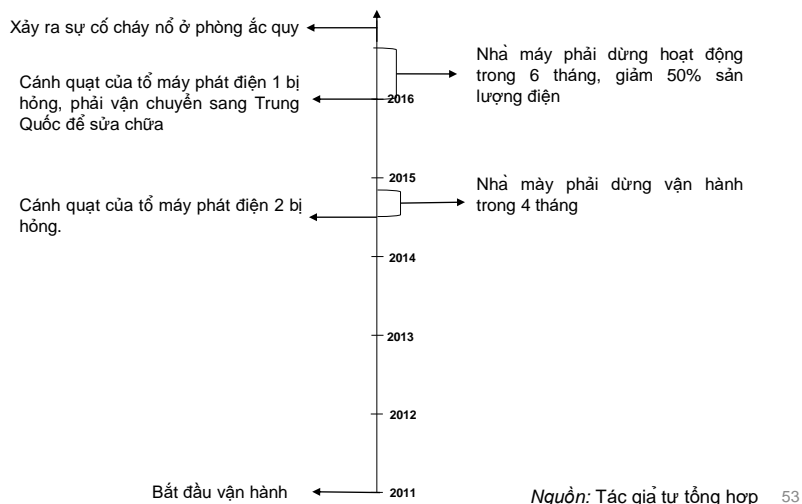
- Sử dụng than được khai thác ở Quảng Ninh
- Nhà thầu cung cấp máy móc, vật tư xây dựng: Foster Wheeler (UK)
- Đơn vị thi công: Songling Power Environmental Equipment co., ltd (Trung Quốc), XJ Group Corp. (Trung Quốc), China Power Engineering Consulting Group (Technical assessment) (Trung Quốc), Guangdong Topkey Power Technical Development (Trung Quốc)
- Quá trình thi công và vận hành:
 - Kể từ khi vận hành vào năm 2011, nhà máy đã xảy ra nhiều sự cố với hậu quả kinh tế nghiêm trọng

52

VEPR

Vấn đề kỹ thuật: Nhà máy Na Dương vs. Cẩm Phả

■ Nhà máy nhiệt điện Cẩm Phả

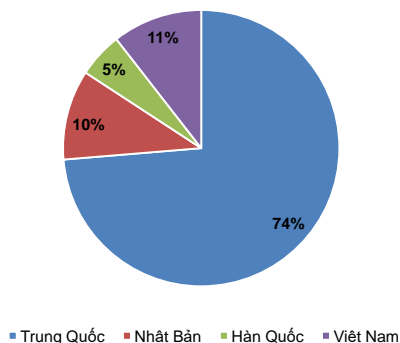


VEPR

Tác động môi trường

- Trong số 30 nhà máy đang vận hành, 19 (63.3%) nhà máy có các phản ánh về vấn đề môi trường

Số lượng nhà máy có ghi nhận về tác động môi trường theo quốc gia



Nguồn: Tác giả tự tổng hợp

VEPR

Tác động môi trường: Nhà máy nhiệt điện Vĩnh Tân 2

■ Hàng loạt các sai phạm về môi trường

- Vi phạm quy định về bảo vệ môi trường
 - Không thực hiện biện pháp che phủ bụi than đúng tiêu chuẩn, gây ô nhiễm môi trường
 - Quá trình vận chuyển chất thải không đúng quy trình: Không có bạt che, xả thải trái phép, vệ sinh phương tiện vận tải sai quy định, ...
 - Vận hành hệ thống xử lý nước thải sai quy định, thiếu các ghi chép về quy trình bảo vệ môi trường và xử lý chất thải nguy hại.
 - Nhà máy xây dựng gần khu dân cư, khí thải từ ống khói nhà trực tiếp tác động tới người dân.
- Trong năm 2014, Tổng cục môi trường đã xử lý vi phạm về môi trường với tổng mức xử phạt là \$62,000



55

VEPR

Tác động môi trường: Nhà máy nhiệt điện Vĩnh Tân 2

■ Việc thực hiện các cam kết của nhà máy

- Không một động thái nào được ghi nhận cho tới thời điểm năm 2015 khi xảy ra biểu tình. Người dân tràn ra quốc lộ, chặn các phương tiện vận chuyển chất thải. Cảnh thẳng nhanh chóng leo thang, người dân ném đá và bom xăng.
- Tổng thầu chậm trễ trong việc thanh toán tiền phạt và tiếp tục không đạt các yêu cầu trong các đợt thanh tra về môi trường sau đó.
- Nhà máy đã có thiết kế tuyến đường vận chuyển chất thải riêng, không sử dụng đường dân sinh, với quy trình kiểm soát cụ thể.



56

VEPR Trường hợp nhà máy nhiệt điện Vĩnh Tân 1

■ Thông tin tổng quan

- Hình thức đầu tư: BOT
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Lưới điện Phương Nam Trung Quốc (55%), Công ty TNHH Điện lực Quốc tế Trung Quốc (45%) và Tổng công ty Điện lực-Vinacomin (5%)
- Tổng thầu EPC: Liên danh gồm Viện Nghiên cứu Thiết kế Quảng Đông và Công ty Xây dựng Nhiệt điện Quảng Đông thuộc Tập đoàn Xây dựng Năng lượng Trung Quốc (CEEC)
- Nhà thầu cung cấp thiết bị, máy móc: Tập đoàn Điện khí Đông Phương (Trung Quốc)
- Tổng vốn đầu tư: 1.404 tỉ USD
- Khởi công: 7/2015
- Khánh thành: 7/2018



57

VEPR Trường hợp nhà máy nhiệt điện Vĩnh Tân 1

■ Xây ra hàng loạt sai phạm về môi trường

- Xả thải trước khi được cấp phép: Khai thác và sử dụng nước biển, xả nước làm mát ra biển khi chưa có sự cho phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường
 - Không thường xuyên giám sát hoạt động tái sử dụng nước thải để làm ẩm tro xỉ
 - Một số chỉ số khí thải vượt ngưỡng mà nhà máy cam kết trong Báo cáo Đánh giá Tác động Môi trường.
 - Nhà máy vận hành và phát sinh tro xỉ từ tháng 4/2018 nhưng đến 12/2018 chủ đầu tư mới hoàn thành và phê duyệt đề án xử lý tro xỉ
- Xây dựng “chui” 11 hạng mục công trình tại khu dịch vụ cho chuyên gia và người lao động của nhà máy

58

■ Quá tải tro, xỉ

- Khi tất cả nhà máy tại trung tâm đi vào hoạt động, tro xỉ phát sinh theo thiết kế là khoảng 3,8 triệu tấn/năm. Ba nhà máy là Vĩnh Tân 2, 4 và 4 mở rộng dùng chung bãi chứa tro, chứa khoảng 9,3 triệu m³. Hiện nay bãi đã chứa khoảng 4,5 triệu m³ và dự kiến đầy trong khoảng hơn 2 năm nữa.
- Vị trí bãi xỉ nằm gần đường quốc lộ, tác động từ gió biển mạnh, tiềm ẩn nguy cơ phát tán bụi ra môi trường xung quanh.
- Phối hợp thiếu chặt chẽ với UBND Tỉnh Bình Thuận, dẫn đến tình trạng không tuân thủ quyết định của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch hệ thống bảo tồn biển Việt Nam và quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học của cả nước đến năm 2020, định hướng đến năm 2030. Trung tâm nhiệt điện Vĩnh Tân đã xâm lấn 525 ha diện tích biển và khu bảo tồn thiên nhiên Hòn Cau

59

- Nguyên nhân chủ quan (do phía nhà máy, tổng thầu, chủ đầu tư):
 - Các vấn đề kỹ thuật: **Không có bằng chứng cụ thể**
 - Sử dụng các loại than có tỉ lệ tro, xỉ cao (than antraxit, loại than phổ biến có trữ lượng lớn tại Việt Nam^(*)), với lượng tro, xỉ chiếm tới 30-37% tổng lượng than)
 - Sự vô trách nhiệm của đơn vị vận hành nhà máy: **Trách nhiệm thuộc về đơn vị vận hành nhà máy**
- Nguyên nhân khách quan (do phía cơ quan quản lý nhà nước):
 - Cơ sở hạ tầng thiếu đồng bộ:
 - Thiếu quy hoạch về xử lý và quản lý chất thải đồng bộ với quy hoạch phát triển điện than: Trường hợp của nhiệt điện Duyên Hải, Vĩnh Tân, Vũng Áng khi bãi xỉ thải bị quá tải, không có tuyến đường vận chuyển riêng (sử dụng chung quốc lộ 1A)
 - Mật độ xây dựng cao, sát khu vực dân cư sinh sống: Trường hợp của tỉnh Quảng Ninh với 7 nhà máy nhiệt điện than đang vận hành.
 - Công nghệ xử lý chất thải còn hạn chế: Nhiều địa phương lượng xỉ thải xả ra quá lớn vượt khả năng xử lý (trường hợp của nhiệt điện Long Phú, Mông Dương, Sơn Động)

(*) Nguồn: Tổng hội địa chất Việt Nam

60

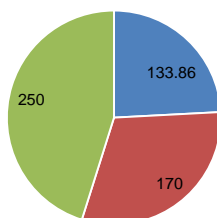
TRƯỜNG HỢP CỦA NGÀNH XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG

- ❑ Tuyến Metro Cát Linh – Hà Đông
- ❑ Tuyến cao tốc Đà Nẵng – Quảng Ngãi

61

■ Thông tin tổng quan

- Tổng thầu EPC: **Bureau 6 China Railway Corporation**
- Thời hạn hợp đồng: **5 years**
- Tổng vốn đầu tư: **522.86 million USD (according to construction price in 3/2008)**
- Nguồn vốn:



■ Vietnam's government ■ ODA from China ■ Eximbank China

Nguồn: Tác giả tự tổng hợp

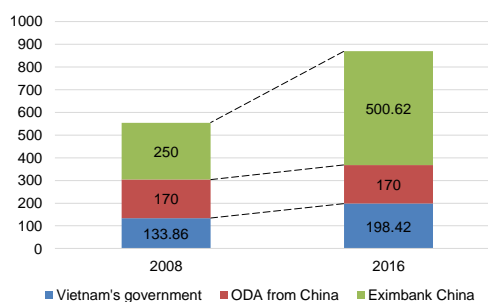


62

VEPR Tuyến Metro Cát Linh – Hà Đông

■ Thông tin tổng quan

- Tình trạng hiện tại (Tính tới thời điểm tháng 4/2019)
 - Tiến độ thi công: Đang nghiệm thu công trình
 - Dự kiến đi vào hoạt động trong Quý 2 năm 2019
 - Tổng vốn đầu tư: **868.04 triệu USD** (tăng thêm 315.24 triệu USD)
 - Nguồn vốn:



Nguồn: Tác giả tự tổng hợp

63

VEPR Tuyến Metro Cát Linh – Hà Đông

■ Vi phạm các quy định pháp luật

- Vi phạm luật lao động: Theo kết luận năm 2015 của thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và xã hội
 - Nhà thầu áp dụng mức lương tối thiểu là 3.000.000 VNĐ, thấp hơn 100.000 so với mức lương tối thiểu vùng
 - Nhà thầu không báo cáo với cơ quan chức năng về thang lương, bảng lương và hạn ngạch lao động
 - 28/82 không được tham gia bảo hiểm lao động và bảo hiểm thất nghiệp
 - Nhà thầu không thực hiện kiểm tra an toàn đối với 8 máy móc và thiết bị thuộc danh mục yêu cầu cao về bảo đảm an toàn lao động
 - Nhà thầu không cung cấp được báo cáo toàn diện về số lượng người lao động đang thực hiện những công việc mà yêu cầu cao về các tiêu chuẩn an toàn lao động.
 - Nhà thầu không thực hiện báo cáo định kỳ 6 tháng 1 lần về các tai nạn lao động đã xảy ra.
 - Nhà thầu không thực hiện các hoạt động đào tạo, huấn luyện thường xuyên về các nguyên tắc đảm bảo an toàn lao động

64

VEPR Tuyển Metro Cát Linh – Hà Đông

■ Vi phạm các quy định pháp luật

- Cho vận hành thử tàu mà không có sự đồng ý của cơ quan quản lý
 - Ngày 8/11/2018, nhà thầu Trung Quốc đã cho phép người dân lên tàu và cho vận hành chạy thử trong khi chưa nhận được sự đồng ý từ các cơ quan chức năng có thẩm quyền tại Việt Nam
- Chậm tiến độ xây dựng
 - Theo điều khoản ban đầu của hợp đồng, tổng thầu EPC phải hoàn thành công trình trong vòng 48 tháng kể từ năm 2010. Tuy nhiên trên thực tế, thời hạn này đã bị lùi lại tới ngày 30/9/2017. Và tới 11/2018, khi Kiểm toán Nhà nước tiến hành kiểm tra dự án thì công trình vẫn chưa hoàn thành, đã chậm 4 năm so với tiến độ đề ra ban đầu.
- Không đảm bảo các tiêu chuẩn về an toàn lao động
 - Vào tháng 10/2016, một công nhân đã bị ngã từ công trình xây dựng và thiệt mạng

65

VEPR Tuyển Metro Cát Linh – Hà Đông

■ Xây ra nhiều sự cố an toàn

- Nhà thầu không đảm bảo được an toàn xung quanh khu công trường xây dựng:
 - 11/2014: Một cần cẩu đổ sập xuống đường khiến 3 người bị thương, trong đó có 01 người thiệt mạng
 - 12/2014: Sập giàn giáo, gây hư hỏng nặng 01 xe ô tô, không xảy ra thương vong về người
 - 5/2015: Một thanh sắt cỡ lớn bất ngờ rơi xuống từ khu vực công trường xây dựng, không xảy ra thương vong về người
 - 8/2015: Một thanh thép khác rơi xuống đường, gây hư hỏng nặng 01 ô tô, không có thương vong về người
 - 8/2015: Một cần cẩu đổ sập rơi trúng 2 xe máy, 1 người bị thương



66

VEPR Tuyển Metro Cát Linh – Hà Đông

■ Các hành động khắc phục của tổng thầu

- Đối với các sai phạm về luật lao động: Không có thông tin
- Đối với các sai phạm về gây mất an toàn giao thông: Không có thông tin
- Đối với vấn đề chậm tiến độ:
 - 10/2016: Tổng thầu đã thông báo khoản tiền thưởng tổng cộng 2 triệu USD cho các nhà thầu phụ hoàn thành công việc đúng hạn và đảm bảo an toàn. Tổng thầu cũng thực hiện khoản tiền phạt khoảng 10 triệu VNĐ/ngày đối với các nhà thầu phụ chậm tiến độ

67

VEPR Trường hợp tuyển cao tốc: Quảng Ngãi – Đà Nẵng

■ Thông tin tổng quan

- Chủ đầu tư: Tổng công ty đầu tư phát triển đường cao tốc Việt Nam
- Tổng mức đầu tư: 34,500 tỉ VNĐ
- Các gói thầu: Nhà thầu Trung Quốc tham gia các gói A2, A3

Đoạn Đà Nẵng – Tam Kỳ	Đoạn Tam Kỳ – Quảng Ngãi
Gói 1: Liên danh Cienco 1 và 5	Gói A1: Liên danh Tổng công ty Xây dựng số 1 – TNHH MTV (CC1) – Lotte E&C
Gói 2: Liên danh Tổng công ty Xây dựng Trường Sơn – Công ty liên hợp Xây dựng Vạn Cường – Cienco 6 – Công ty CP Đầu tư xây dựng 703	Gói A2: Công ty TNHH Tập đoàn Cầu đường tỉnh Sơn Đông (Shandong Luqiao Group Co., Ltd)
Gói 3A: Liên danh Cienco 4 - Tổng công ty xây dựng Thăng Long	Gói A3: Công ty TNHH công trình giao thông tỉnh Giang Tô (Jiangsu Provincial Transportation Engineering Group Co., Ltd)
Gói 3B: Liên danh Cienco 6 – Công ty CP Đầu tư Thương mại và Xây dựng giao thông 1 (TRICO)	Gói A4: Công ty TNHH Kỹ thuật và Xây dựng Lotte (Lotte E&C)
Gói 4: Liên danh Cienco 4 – Tổng công ty Xây dựng Sông Đà – Tổng công ty Xây dựng Thăng Long – Công ty CP Đầu tư xây dựng Tuấn Lộc	Gói A5: Posco Engineering&Construction Co.,Ltd (Posco E&C).
Gói 5: Liên danh Công ty CP Đầu tư và Xây dựng giao thông Phương Thành – Cienco 6 – Cienco 8 – Công ty TNHH Thành Phát	
Gói 6: Liên danh Tổng công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (Vinaconex) – Tổng công ty Thành An – Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng và Kỹ thuật Vinaconex (Vinaconex E&C)	
Gói 7: Liên danh OHL – Cienco 1 – Công ty TNHH Dịch vụ thương mại, sản xuất, xây dựng Đồng Mekong	

68



Trường hợp tuyến cao tốc: Quảng Ngãi – Đà Nẵng

■ Các sự cố xảy ra trên tuyến đường

- Tại các Km 26, 27, 28, 29 xuất hiện nhiều “ổ voi, ổ gà” 1 năm sau khi thông tuyến Đà Nẵng – Tam Kỳ. Các vị trí này thuộc gói thầu số 4 đoạn Đà Nẵng – Tam Kỳ do liên danh nhà thầu Việt Nam thực hiện.
- Xuất hiện 21 điểm dột thấm xung quanh các trụ cầu thuộc gói thầu số 1, 2, 3B, 5, 6, 7 (do nhà thầu Việt Nam đảm nhận). Nguyên nhân được xác định là do thi công không đạt các yêu cầu kỹ thuật được đề ra.
- Tại các Km thuộc gói thầu A1 (nhà thầu Hàn Quốc), A2 và A3 (nhà thầu Trung Quốc) xuất hiện các điểm đọng nước, một số hạng mục cầu, hầm chui xuất hiện tình trạng thấm nước, rỉ nước.



69



Trường hợp tuyến cao tốc: Quảng Ngãi – Đà Nẵng

■ Khắc phục sự cố một cách kém hiệu quả

- Các đoạn “ổ voi, ổ gà” thuộc đoạn Đà Nẵng – Tam Kỳ được vá một cách nham nhở, tiếp tục ứ đọng nước ngay sau khi sửa chữa.
- Các vị trí thấm, dột nước thuộc gói thầu A3 được nhà thầu Trung Quốc khắc phục bằng bằng dính và keo dán. Tiếp tục xảy ra hiện tượng ngấm nước ngay sau khi trời mưa lớn.



70

■ Hàng loạt sai phạm trong công tác quản lý nhà nước

- Điều chỉnh thiết kế khi chưa có sự cho phép của cơ quan chức năng
- Đội vốn, bán thầu không đúng quy định:
 - Gói thầu A3 thiết kế biện pháp thi công vòng vây cọc ván thép cho một số móng trụ cầu trên cạn không phù hợp với kết quả khảo sát địa chất (cao độ thi công đáy móng cao hơn mực nước ngầm, vị trí thi công không bị ảnh hưởng đến các công trình khác, địa chất là đất cấp 3) đã làm tăng giá trị dự toán hơn 13 tỷ đồng.
 - Nhà thầu chính gói thầu số 1 (liên danh Cienco 1 và 5) theo đơn giá 93 – 93.5% giá trị gói thầu, thấp hơn 2 – 1.5% so với quy định của pháp luật
 - Gói thầu số 4 thì Tổng công ty Sông Đà giao cho nhà thầu phụ với tỷ lệ 94%, vượt 44% so với quy định của hợp đồng, tương ứng hơn 240 tỷ đồng; Tổng công ty Xây dựng Thăng Long giao thầu cho nhà thầu phụ với tỷ lệ 99% vượt 49% so với quy định của hợp đồng, tương ứng hơn 266 tỷ đồng.

71

- Khó tiếp cận thông tin về vốn đầu tư của Trung Quốc, các thông tin này hay bị dán nhãn “nhạy cảm” và ít công bố cho giới nghiên cứu
- Vấn đề chi phí vốn vay của Trung Quốc không rẻ hơn so với các luồng vốn khác, vì có nhiều phí đi kèm
- Đầu tư của Trung Quốc ở Việt Nam là một khái niệm rộng, không chỉ gồm các hoạt động do Trung Quốc đầu tư mà cần gồm cả các dự án EPC do Việt Nam vay vốn nước khác (ví dụ Nhật Bản nhưng Trung Quốc lại trúng thầu triển khai).
- Vốn của Trung Quốc có thể là sự bổ sung quan trọng cho nhu cầu CSHT của Việt Nam
- Không thể ngăn chặn vốn Trung Quốc theo đầu vào (hình thức đa dạng) nhưng cần tăng kiểm tra, giám sát thi công và nghiệm thu. Cần xử lý nghiêm những đối tác Việt Nam tham nhũng, kiểm tra-giám sát không sát sao các công trình CSHT.
- Những vấn đề liên quan đến chất lượng kĩ thuật, tiến độ, môi trường có trách nhiệm lớn của phía Việt Nam chứ không phải hoàn toàn lỗi của nước ngoài (nhiệt điện Vĩnh Tân 1-2-4)

72

**VEPR**

Chính sách tốt, kinh tế mạnh

THANK YOU

Q&A

Contacts:**Email: Nguyen.ducthanh@vepr.org.vn****Viet Nam Institute for Economic and Policy Research,
University of Economics and Business, Viet Nam National University
Room 707, Building E4, 144, Xuan Thuy, Cau Giay****Email: info@vepr.org.vn****Tel: (+84) 24.37547506 ext 714/ (+84) 975608677****Fax: (+84) 24.37549921**

73